TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Ngoan.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Huỳnh Hồng**
2. Bà: **Nguyễn Thị Ngọc Trâm**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị T – sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. **Bị đơn**: Anh Nguyễn Quốc T - sinh năm 1977; (Có đơn xin vắng mặt ngày 23/5/2019).

Địa chỉ: ấp P, xã Trung N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:***

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị và anh T quen biết nhau là do mai mối và được sự đồng ý của hai bên gia đình rồi đi đến hôn nhân, chị và anh T có tổ chức đám cưới vào ngày 26/02/1997 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới chị T và anh T sống chung với cha mẹ chồng tại ấp ấp P, xã Trung N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Đến khoảng năm 1999 chị và anh T lên Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà trọ sống và đi làm công nhân. Thời gian

chung sống hạnh phúc khoảng 11 năm đến năm 2012 thì tình cảm vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 07 năm 2013 chị T về sống với cha mẹ ruột tại ấp Q , xã Q , huyện V cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng cũng thường xảy ra cự cải, tình cảm dành cho nhau dần phai nhạt.

Ngày 25/12/2018 chị T có làm đơn yêu cầu ly hôn với anh T nhưng được Tòa án nhân dân huyện V hòa giải cho anh chị về sống đoàn tụ, chị đã rút lại đơn khởi kiện để cho anh T cơ hội sửa đổi tính tình nhưng anh vẫn không thay đổi còn ghen tuông không có căn cứ.

Hiên nay chị T và anh T đã không còn sống chung như vợ chồng từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Nay chị Lê Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không thể hàn gắn sống hạnh phúc được nữa hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc T .

- **Về con chung của vợ chồng**: Chị Lê Thị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung của vợ chồng**: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ phải thu, phải trả của vợ chồng:** Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản khai ý kiến và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh và chị T hôn nhân hình thành dựa trên cơ sở do mai mối và được hai bên gia đình cha mẹ chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị Lê Thị T là đúng.

Sau ngày cưới anh và chị T sống chung với cha mẹ của anh T tại ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Đến khoảng năm 1999 anh và chị T lên Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà trọ sống và đi làm công nhân. Thời gian chung sống hạnh phúc khoảng 11 năm đến năm 2012 thì tình cảm vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2013 thì chị Trong về sống với cha mẹ ruột tại ấp Q , xã Q , huyện V cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau trong sinh hoạt hằng ngày nên đời sống và tình cảm vợ

chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019 cho đến nay.

Nay anh Toàn xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài nay đối với yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T thì anh đồng ý.

- **Về con chung của vợ chồng**: Anh Nguyễn Quốc T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung của vợ chồng**: Anh Nguyễn Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ phải thu, phải trả của vợ chồng:** Anh Nguyễn Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

+ Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 07/3/2019; giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú bị đơn; Đơn xác nhận tình trạng hôn nhân; Phiếu dịch vụ chuyển phát nhanh (bản chính); Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

+ Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến; giấy chứng minh nhân dân (photo); đơn đề nghị vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

Đương sự khẳng định đã nhận đầy đủ các tài liệu chứng cứ, không còn cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, vẫn giữ nguyên quan điểm của mình không còn yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V , tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Quốc T . Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Quốc T được mai mối, có tự tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, anh chị có tổ chức lễ cưới vào

ngày 26 tháng 2 năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

*** Về con chung của vợ chồng:** Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Quốc T cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về tài sản chung của vợ chồng:** Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Quốc T cùng trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*** Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng:** Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Quốc T cùng trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Chị Lê Thị T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 09, khoản 1 Điều 14; Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị T và anh Nguyễn Quốc T là vợ chồng.

[2] Về con chung của vợ chồng: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Quốc T cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N^{0} 0009664 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Lê Thị T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THA huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Ngoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Trâm Huỳnh Hồng **Nguyễn Văn Ngoan**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THA huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Ngoan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngoan

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THA huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Quới An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh